

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 1/10

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address:

216 Nguyễn văn Linh, KP. Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

15/12/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing

15/12/2025 đến 15/01/2026

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy nước Phước Long 2. Vị trí lấy mẫu: - Bể chứa nước sạch (Đồi 230, KP Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai) 3. Thời gian lấy mẫu: 11/12/2025 4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn 5. Clo: 0.66 mg/l 6. pH: 6.8

Tình trạng mẫu/ State of sample

Mẫu nước đựng trong can nhựa/ Water sample in plastic cans + Mẫu nước đựng trong bình thủy tinh/ Water sample contained in a glass bottle.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.

(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi Phòng thí nghiệm VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Phạm Lê Tiến Khánh



TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ

LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau

214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 2/10

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023(a)	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	<1
5.	Độ đục/Turbidity	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B:2023(a)	2
6.	Độ màu/Color	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120 C:2023(a)	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Không có mùi vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi lạ
8.	pH/pH Value	6,92	-	-	TCVN 6492: 2011(a)	6,0-8,5
9.	Độ cứng/Hardness	22	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023(a)	300
10.	Hàm lượng florua (F-)/Flouride (F-) content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500 (F-)-D: 2023(a)	1,5
11.	Hàm lượng Clorua (Cl-)/Chloride (Cl-) content	11,2	mg/L	-	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	250 (hoặc 300)
12.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6178: 1996(a)	0,9

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 3/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
13.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500- NO3.E:2023(a)	11
14.	Hàm lượng Clo tự do (Cl ₂)/Free chlorine content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl2- B:2023(a)	0,2 - 1,0
15.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,04
16.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	48	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023(a)	1000
17.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/Ammonium content (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH3- C:2023(a)	1
18.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN- E:2023(a)	0,05
19.	Hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)/Sulfate content	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	250
20.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000(a)	0,05
21.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	KPH/ND	mgO ₂ /L	0,5	TCVN 6186:1996(a)	2
22.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
23.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,003
24.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,001

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 4/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
25.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
26.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimon (Sb) content	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,02
27.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	1,91	mg/L	-	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	200
28.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,3
29.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,05
30.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	1
31.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	1,3
32.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	2,4
33.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,1
34.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,07
35.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	0,16	mg/L	-	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,2
36.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 5/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
37.	Atrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	100
38.	2,4-D	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	30
39.	Molinate	KPH/ND	µg/L	6	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	6
40.	Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	20
41.	Propanil	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
42.	Simazine	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	2
43.	1,1,1-trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	2000
44.	1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	30
45.	1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	50
46.	Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-639	2
47.	Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
48.	Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
49.	Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	8	VLAB-CH-TP-639	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 6/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
50.	Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	10
51.	Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
52.	Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
53.	Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	700
54.	Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	500
55.	1,2-dibromo-3-chloropropane	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
56.	1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
57.	1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
58.	hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	200
59.	Isoproturon	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-674	9
60.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	KPH/ND	µg/L	Phenol 1, còn lại 0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	Theo phụ lục 1 đính kèm
61.	MCPA (2-methyl-4- chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-660	2
62.	2,4 DB	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	90

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 7/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
63.	Mecoprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
64.	Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	0,6
65.	Aldicarb	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
66.	Carbofuran	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	5
67.	Alachlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
68.	Chlorpyrifos	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	30
69.	Chlordane	KPH/ND	µg/L	0,2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	0,2
70.	DDT và các dẫn xuất/DDT and derivatives	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	1
71.	Methoxychlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
72.	Permethrin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
73.	Trifluralin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
74.	Chlorotoluron	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	30

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 8/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
75.	Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	60
76.	Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	50
77.	Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	200
78.	2,4,6-trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	200
79.	Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
80.	1,2-dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	1000
81.	1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
82.	Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
83.	Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
84.	Hexachlorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-639	0,6
85.	Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
86.	Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	70
87.	Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 9/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
88.	Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
89.	Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614(a)	20
90.	Dichloprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	100
91.	Fenoprop	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-660	9
92.	Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	0,4	VLAB-CH-TP-636	0,4
93.	Bromate	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-776	10
94.	Hàm lượng Formaldehyde	KPH/ND	µg/L	LOD = 100	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	500
95.	Hàm lượng Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	QUATEST3 1224:2024(a),(s)	0,5
96.	Hàm lượng Monochloramine	KPH/ND	mg/L	LOD = 0,02	TCVN 6225-2:2021 (a),(s)	3000
97.	Hàm lượng Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	US EPA Method 8260D (a),(s)	0,3
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,02	TCVN 6053:2011(s)	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,3	TCVN 6219:2011(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

Kết luận: Kết quả đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-254215-006/5

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 10/10



- Kết quả Clo đo tại hiện trường: 0,66 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)
- Kết quả pH đo tại hiện trường: 6,8 (số liệu do khách hàng cung cấp)

PHỤ LỤC 1 ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	µg/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 1/10

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: 216 Nguyễn văn Linh, KP. Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 15/12/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 15/12/2025 đến 15/01/2026

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name **1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy nước Phước Long 2. Vị trí lấy mẫu: Mạng lưới cấp nước (Số 1426, đường Nguyễn Tất Thành, KP Thác Mơ 2, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai) 3. Thời gian lấy mẫu: 11/12/2025 4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn 5. Clo: 0.5 (mg/l) 6. pH: 6.89**

Tình trạng mẫu/ State of sample Mẫu nước đựng trong can nhựa/ Water sample in plastic cans + Mẫu nước đựng trong bình thủy tinh/ Water sample contained in a glass bottle.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Phạm Lê Tiến Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 2/10

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023(a)	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	<1
5.	Độ đục/Turbidity	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B:2023(a)	2
6.	Độ màu/Color	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120 C:2023(a)	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Không có mùi vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi lạ
8.	pH/pH Value	6,94	-	-	TCVN 6492: 2011(a)	6,0-8,5
9.	Độ cứng/Hardness	18	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023(a)	300
10.	Hàm lượng florua (F-)/Flouride (F-) content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500 (F-)-D: 2023(a)	1,5
11.	Hàm lượng Clorua (Cl-)/Chloride (Cl-) content	10,3	mg/L	-	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	250 (hoặc 300)
12.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6178: 1996(a)	0,9

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 3/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
13.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500- NO3.E:2023(a)	11
14.	Hàm lượng Clo tự do (Cl ₂)/Free chlorine content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl2- B:2023(a)	0,2 - 1,0
15.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,04
16.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	46	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023(a)	1000
17.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/Ammonium content (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH3- C:2023(a)	1
18.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN- E:2023(a)	0,05
19.	Hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)/Sulfate content	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	250
20.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000(a)	0,05
21.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	KPH/ND	mgO ₂ /L	0,5	TCVN 6186:1996(a)	2
22.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
23.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,003
24.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,001

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-254215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 4/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
25.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
26.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimon (Sb) content	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,02
27.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	1,92	mg/L	-	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	200
28.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,3
29.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,05
30.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	1
31.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	1,3
32.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	2,4
33.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,1
34.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,07
35.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,2
36.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 5/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
37.	Atrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	100
38.	2,4-D	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	30
39.	Molinate	KPH/ND	µg/L	6	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	6
40.	Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	20
41.	Propanil	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
42.	Simazine	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	2
43.	1,1,1-trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	2000
44.	1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	30
45.	1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	50
46.	Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-639	2
47.	Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
48.	Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
49.	Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	8	VLAB-CH-TP-639	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 6/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
50.	Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	10
51.	Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
52.	Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
53.	Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	700
54.	Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	500
55.	1,2-dibromo-3-chloropropane	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
56.	1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
57.	1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
58.	hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	200
59.	Isoproturon	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-674	9
60.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	KPH/ND	µg/L	Phenol 1, còn lại 0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	Theo phụ lục 1 đính kèm
61.	MCPA (2-methyl-4- chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-660	2
62.	2,4 DB	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	90

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 7/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
63.	Mecoprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
64.	Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	0,6
65.	Aldicarb	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
66.	Carbofuran	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	5
67.	Alachlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
68.	Chlorpyrifos	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	30
69.	Chlordane	KPH/ND	µg/L	0,2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	0,2
70.	DDT và các dẫn xuất/DDT and derivatives	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	1
71.	Methoxychlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
72.	Permethrin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
73.	Trifluralin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
74.	Chlorotoluron	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	30

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 8/10



STT No.	Chi tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
75.	Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	60
76.	Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	50
77.	Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	200
78.	2,4,6-trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	200
79.	Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
80.	1,2-dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	1000
81.	1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
82.	Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
83.	Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
84.	Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-639	0,6
85.	Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
86.	Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	70
87.	Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026

Trang/ Page : 9/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
88.	Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
89.	Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614(a)	20
90.	Dichloprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	100
91.	Fenoprop	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-660	9
92.	Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	0,4	VLAB-CH-TP-636	0,4
93.	Bromate	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-776	10
94.	Hàm lượng Formaldehyde	KPH/ND	µg/L	LOD = 100	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	500
95.	Hàm lượng Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	QUATEST3 1224:2024(a),(s)	0,5
96.	Hàm lượng Monochloramine	KPH/ND	mg/L	LOD = 0,02	TCVN 6225-2:2021 (a),(s)	3000
97.	Hàm lượng Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	US EPA Method 8260D (a),(s)	0,3
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,02	TCVN 6053:2011(s)	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,3	TCVN 6219:2011(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

Kết luận: Kết quả đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/6

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 10/10

- Kết quả Clo đo tại hiện trường: 0,5 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)
- Kết quả pH đo tại hiện trường: 6,89 (số liệu do khách hàng cung cấp)

PHỤ LỤC 1 ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	µg/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 1/10

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address:

216 Nguyễn văn Linh, KP. Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

15/12/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing

15/12/2025 đến 15/01/2026

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy nước Phước Long 2. Vị trí lấy mẫu: Cuối mạng lưới cấp nước (số 68, đường 3/2, KP. Long Phước 9, P. Phước Bình, tỉnh Đồng Nai) 3. Thời gian lấy mẫu: 11/12/2025 4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn 5. Clo: 0.45 (mg/l) 6. pH: 7.01

Tình trạng mẫu/ State of sample

Mẫu nước đựng trong can nhựa/ Water sample in plastic cans + Mẫu nước đựng trong bình thủy tinh/ Water sample contained in a glass bottle.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.

(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Phạm Lê Tiến Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 2/10

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
2.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023(a)	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	<1
5.	Độ đục/Turbidity	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B:2023(a)	2
6.	Độ màu/Color	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120 C:2023(a)	15
7.	Mùi vị/Odor, Taste	Không có mùi vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi lạ
8.	pH/pH Value	6,93	-	-	TCVN 6492: 2011(a)	6,0-8,5
9.	Độ cứng/Hardness	19,5	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023(a)	300
10.	Hàm lượng florua (F-)/Flouride (F-) content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500 (F-)-D: 2023(a)	1,5
11.	Hàm lượng Clorua (Cl-)/Chloride (Cl-) content	10,8	mg/L	-	SMEWW 4500- Cl-B:2023(a)	250 (hoặc 300)
12.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6178: 1996(a)	0,9

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 3/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
13.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500- NO3.E:2023(a)	11
14.	Hàm lượng Clo tự do (Cl ₂)/Free chlorine content	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl2- B:2023(a)	0,2 - 1,0
15.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,04
16.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids (TDS)	44	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023(a)	1000
17.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/Ammonium content (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH3- C:2023(a)	1
18.	Hàm lượng Cyanua/Total cyanua content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN- E:2023(a)	0,05
19.	Hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)/Sulfate content	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW4500 (SO42-)- E 2023(a)	250
20.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000(a)	0,05
21.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	KPH/ND	mgO ₂ /L	0,5	TCVN 6186:1996(a)	2
22.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
23.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,003
24.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,001

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-231215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 4/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
25.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
26.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimon (Sb) content	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,02
27.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	1,94	mg/L	-	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	200
28.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,3
29.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,05
30.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	1
31.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium content	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	1,3
32.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	2,4
33.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	0,1
34.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,07
35.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,2
36.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030 E:2023/SMEWW 3111 B:2023(a)	2

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 5/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
37.	Atrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	100
38.	2,4-D	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	30
39.	Molinate	KPH/ND	µg/L	6	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	6
40.	Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	20
41.	Propanil	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
42.	Simazine	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	2
43.	1,1,1-trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	2000
44.	1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	30
45.	1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	50
46.	Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-639	2
47.	Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
48.	Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
49.	Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	8	VLAB-CH-TP-639	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 6/10



STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
50.	Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	10
51.	Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
52.	Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
53.	Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	700
54.	Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	500
55.	1,2-dibromo-3-chloropropane	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
56.	1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	40
57.	1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
58.	hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	200
59.	Isoproturon	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-674	9
60.	Phenol và dẫn xuất của Phenol/ Phenols and derivatives	KPH/ND	µg/L	Phenol 1, còn lại 0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	Theo phụ lục 1 đính kèm
61.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	2	VLAB-CH-TP-660	2
62.	2,4 DB	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	90

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 7/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
63.	Mecoprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
64.	Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	0,6
65.	Aldicarb	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	10
66.	Carbofuran	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	5
67.	Alachlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
68.	Chlorpyrifos	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	30
69.	Chlordane	KPH/ND	µg/L	0,2	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	0,2
70.	DDT và các dẫn xuất/DDT and derivatives	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	1
71.	Methoxychlor	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
72.	Permethrin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
73.	Trifluralin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) (a)	20
74.	Chlorotoluron	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	30

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VLAB-QM-LOP-023/F0

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 8/10



STT No.	Chi tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01-1:2024/BYT
75.	Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	60
76.	Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	50
77.	Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-702(a)	200
78.	2,4,6-trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638(a)	200
79.	Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
80.	1,2-dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	1000
81.	1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20
82.	Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	100
83.	Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
84.	Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,6	VLAB-CH-TP-639	0,6
85.	Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	300
86.	Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	70
87.	Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639(a)	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

VLAB-QM-LOP-023/F01

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026

Trang/ Page : 9/10

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
88.	Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-639	1
89.	Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-614(a)	20
90.	Dichloprop	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-660(a)	100
91.	Fenoprop	KPH/ND	µg/L	9	VLAB-CH-TP-660	9
92.	Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	0,4	VLAB-CH-TP-636	0,4
93.	Bromate	KPH/ND	µg/L	5	VLAB-CH-TP-776	10
94.	Hàm lượng Formaldehyde	KPH/ND	µg/L	LOD = 100	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	500
95.	Hàm lượng Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	QUATEST3 1224:2024(a),(s)	0,5
96.	Hàm lượng Monochloramine	KPH/ND	mg/L	LOD = 0,02	TCVN 6225-2:2021 (a),(s)	3000
97.	Hàm lượng Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	US EPA Method 8260D (a),(s)	0,3
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,02	TCVN 6053:2011(s)	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (*)	KPH/ND	Bq/L	LOD=0,3	TCVN 6219:2011(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

Kết luận: Kết quả đã đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-261215-006/7

Ngày phát hành/ Issued date : 15/01/2026
Trang/ Page : 10/10

- Kết quả Clo đo tại hiện trường: 0,45 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)
- Kết quả pH đo tại hiện trường: 7,01 (số liệu do khách hàng cung cấp)

PHỤ LỤC 1 ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	µg/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province